

Mẫu CBTT/SGDHCM-02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19/08/2016 của TGD SGDCCK TPHCM)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 76/CBTT.UDEC

Vũng Tàu, ngày 29 tháng 4 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GDCK TP.HCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM.

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (UDEC)
- Mã chứng khoán: UDC
- Địa chỉ trụ sở chính: 37 đường 3 tháng 2, phường 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh BR-VT
- Điện thoại : 0254.3859 617
- Fax : 0254.3859 618
- Người thực hiện công bố thông tin: Võ Thành Tài Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc công ty
- Loại thông tin công bố: định kỳ; bất thường; 24h; theo yêu cầu.

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu công bố thông tin: Biên bản họp và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua các nội dung sau:

- Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2018 và kế hoạch SXKD năm 2019;
- Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán;
- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Báo cáo của Ban Kiểm soát;
- Trích lập các quỹ và phương án phân phối lợi nhuận năm 2018;
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019.

*** Tài liệu đính kèm:**

+ Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 số 01/BBH.ĐHĐCĐ-UDEC ngày 29/4/2019.

+ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 số 01/NQ.ĐHĐCĐ-UDEC ngày 29/4/2019.

Nơi nhận :

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban TGD;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu VT.UDEC.



TU. NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Võ Thành Tài

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh BR-VT

Tên viết tắt: UDEC

Mã chứng khoán: UDC

Trụ sở chính: Số 37 đường 3 tháng 2, phường 8, TP Vũng Tàu, tỉnh BR – VT;

Điện thoại: 0254.3859617 Fax: 0254.3859618

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số: 3500101308 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 8 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 22/5/2018.

NỘI DUNG KỲ HỌP

PHẦN I: THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM

Vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 29 tháng 4 năm 2019, tại Hội trường Công ty, số 37 đường 3 tháng 2, phường 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

PHẦN II: THÀNH PHẦN THAM DỰ, TÍNH HỢP PHÁP, HỢP LỆ CỦA ĐẠI HỘI

1. Thành phần tham dự:

- a. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành Công ty;
- b. Các cổ đông: Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu chốt đến ngày 4/4/2019 và người được ủy quyền của cổ đông có mặt tham dự.

2. Tính hợp pháp và hợp lệ của Đại hội:

Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông và đại diện cổ đông tham dự Đại hội, cụ thể như sau:

- Tổng số cổ phần của Công ty: 35.000.000 cổ phần.
- Tổng số cổ đông tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 4/4/2019 là 590 cổ đông.
 - Tổng số cổ đông được mời tham dự là: 590 cổ đông, đại diện cho 34.706.000 cổ phần được quyền biểu quyết.
 - Tổng số cổ đông và đại diện cổ đông được ủy quyền tham dự Đại hội ngày hôm nay là 33 cổ đông, đại diện cho 25.296.532 cổ phần, chiếm 72,89% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
 - Tất cả các cổ đông đều đủ điều kiện tham dự đại hội.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành.

PHẦN III. GIỚI THIỆU ĐOÀN CHỦ TỊCH

* Đoàn Chủ tịch gồm có:

- Ông Trần Thái Hòa - Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ trì đại hội
- Ông Hồ Thanh Côn - Thành viên Hội đồng quản trị;
- Ông Nguyễn Thế Thương - Thành viên Hội đồng quản trị.

PHẦN IV. GIỚI THIỆU VÀ BẦU BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI

* Đại hội đã biểu quyết và bầu Thư ký Đại hội gồm có:

- Ông : Cao Văn Long - Trưởng Ban thư ký.
- Bà : Lê Thị Thu Hằng - Thành viên ban thư ký.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ tán thành là 100% số cổ phần có quyền biểu quyết.

PHẦN V. THÔNG QUA CHƯƠNG TRÌNH VÀ QUY CHẾ LÀM VIỆC TẠI ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Ông Trần Thái Hòa – Chủ tọa đại hội thông qua Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và Quy chế làm việc của Đại hội.

Đại hội đã biểu quyết thông qua Chương trình họp; Quy chế làm việc tại Đại hội với tỷ lệ tán thành là 100% số cổ phần có quyền biểu quyết.

PHẦN VI. GIỚI THIỆU VÀ BẦU BAN KIỂM PHIẾU

* Ban kiểm phiếu gồm có:

- Ông : Nguyễn Công Thao.
- Bà : Lê Thị Hoa.
- Bà : Nguyễn Thụy Trúc Ly.

Đại hội đã tiến hành biểu quyết thông qua danh sách Ban kiểm phiếu với tỷ lệ tán thành là 100% số cổ phần có quyền biểu quyết.

PHẦN VII. CÁC BÁO CÁO VÀ TỜ TRÌNH TẠI ĐẠI HỘI

Đại hội đồng cổ đông đã nghe Đoàn Chủ tịch và Ban Kiểm soát trình bày các báo cáo và tờ trình gồm:

1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019 của Công ty (Đính kèm báo cáo số 67/BC.UDEC ngày 10/4/2019).

2. Tờ trình thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 (Đính kèm tờ trình số 02/TTr.HĐQT.UDEC ngày 10/4/2019).

3. Báo cáo về quản trị kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị (Đính kèm Báo cáo số 03/BC.HĐQT.UDEC ngày 10/4/2019).

4. Báo cáo của Ban kiểm soát (Đính kèm Báo cáo số 01/BC.BKS.UDEC ngày 11/4/2019).

5. Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2018 (Đính kèm tờ trình số 04/TTr.HĐQT.UDEC ngày 10/4/2019).

6. Tờ trình ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện soát xét/kiểm toán báo cáo tài chính 2019 (Đính kèm tờ trình số 05/TTr.HĐQT.UDEC ngày 10/4/2019).

PHẦN VIII. THẢO LUẬN VÀ GIẢI ĐÁP Ý KIẾN CỦA CÁC CỔ ĐÔNG

A. Ý kiến của cổ đông:

- Các cổ đông không có ý kiến.

PHẦN IX. CÁC VẤN ĐỀ ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BIỂU QUYẾT THÔNG QUA

Đại hội đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết thông qua các nội dung trình bày tại Đại hội, kết quả như sau:

1. Thông qua báo cáo hoạt động SXKD năm 2018 và kế hoạch SXKD năm 2019

Các chỉ tiêu chủ yếu của kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 như sau:

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2018:

STT	Chỉ tiêu kế hoạch	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ
1	Tổng giá trị sản xuất kinh doanh	Tỷ đồng	665,26	598,14	89,9%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	510,00	484,07	94,9%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	8,5	9,97	117,3%
4	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	Tỷ đồng	5,7	1,01	17,7%

b. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

STT	Chỉ tiêu kế hoạch	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019	Tỷ lệ so với TH 2018
1	Tổng giá trị sản xuất kinh doanh	Tỷ đồng	601,84	100,6%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	501,70	103,6%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	8,81	88,4%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	4,65	101,3%
5	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	Tỷ đồng	1,25	123,8%

* Tỷ lệ biểu quyết:

- + *Tán thành: 25.296.532 cổ phần, chiếm 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;*
- + *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;*
- + *Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.*

010
 CÔNG
 TY
 KHAI
 HÁT
 T
 G T

2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán:

a. Các chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính riêng:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

stt	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng tài sản <i>Trong đó:</i>	1.054.608.604.939
1.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	3.343.232.097
1.2	Các khoản phải thu ngắn hạn	268.111.570.448
1.3	Hàng tồn kho	250.113.463.540
1.4	Tài sản ngắn hạn khác	25.240.623.783
1.5	Tài sản cố định	46.340.557.676
1.6	Bất động sản đầu tư	339.403.108.550
1.7	Tài sản dở dang dài hạn	19.325.705.995
1.8	Đầu tư tài chính dài hạn	99.797.100.004
1.9	Tài sản dài hạn khác	2.233.242.846
2	Nợ phải trả <i>Trong đó:</i>	677.524.372.978
2.1	Nợ ngắn hạn	486.583.181.523
2.2	Nợ dài hạn	190.941.191.455
3	Vốn chủ sở hữu <i>Trong đó:</i>	377.084.231.961
3.1	Vốn điều lệ	350.000.000.000
3.2	Thặng dư vốn cổ phần	2.035.484.756
3.3	Cổ phiếu quỹ	(1.686.409.906)
3.4	Quỹ đầu tư phát triển	11.044.402.674
3.5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	15.690.754.437
4	Tổng doanh thu <i>Trong đó:</i>	383.364.941.186
4.1	- Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	369.025.767.499
4.2	- Doanh thu hoạt động tài chính	3.249.507.798
4.3	- Thu nhập khác	11.089.665.889
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.563.403.529
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6.243.978.846
7	Lợi nhuận khác	6.567.945.452
8	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.811.924.298
9	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.738.452.234

b. Các chỉ tiêu chủ yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng tài sản <i>Trong đó:</i>	1.156.703.529.452
1.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	3.654.046.438
1.2	Các khoản phải thu ngắn hạn	282.126.132.483
1.3	Hàng tồn kho	262.827.554.397
1.4	Tài sản ngắn hạn khác	25.654.161.256
1.5	Các khoản phải thu dài hạn	5.393.852.707
1.6	Tài sản cố định	467.196.769.140
1.7	Bất động sản đầu tư	72.460.843.086
1.8	Tài sản dở dang dài hạn	19.706.688.323
1.9	Đầu tư tài chính dài hạn	1.260.017.699
1.10	Tài sản dài hạn khác	15.723.463.923
2	Nợ phải trả <i>Trong đó:</i>	746.220.873.100
2.1	Nợ ngắn hạn	536.479.112.447
2.2	Nợ dài hạn	209.741.760.653
3	Vốn chủ sở hữu <i>Trong đó:</i>	410.482.656.352
3.1	Vốn điều lệ	350.000.000.000
3.2	Thặng dư vốn cổ phần	2.035.658.847
3.3	Cổ phiếu quỹ	(1.686.409.906)
3.4	Quỹ đầu tư phát triển	20.180.931.480
3.5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.932.126.141
3.6	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	38.020.349.790
4	Tổng doanh thu <i>Trong đó:</i>	484.075.249.546
4.1	- Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	470.658.761.982
4.2	- Doanh thu hoạt động tài chính	1.705.354.472
4.3	- Thu nhập khác	11.711.133.092
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	66.723.134.420
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.366.507.266
7	Lợi nhuận khác	6.611.384.599
8	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.977.891.865
9	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.592.743.862

10	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	3.585.225.804
11	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	1.007.518.058
12	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29

* Tỷ lệ biểu quyết:

- + Tán thành: 25.296.532 cổ phần, chiếm 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
- + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
- + Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Thông qua Báo cáo về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT năm 2018

* Tỷ lệ biểu quyết:

- + Tán thành: 25.296.532 cổ phần, chiếm 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
- + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
- + Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

4. Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018

* Tỷ lệ biểu quyết:

- + Tán thành: 25.294.132 cổ phần, chiếm 99,99 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
- + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
- + Không có ý kiến: 2.400 cổ phần, chiếm 0,01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018

Phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức cụ thể như sau:

stt	Nội dung	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế đủ điều kiện phân phối năm 2018.	1.007.518.058
1.1	Trích Quỹ đầu tư phát triển	0
1.2	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động.	0
1.3	Lợi nhuận sau thuế chia cổ tức cho cổ đông.	1.007.518.058

Lợi nhuận sau thuế đủ điều kiện chia cổ tức năm 2018 đạt thấp, nên không chia cổ tức và chuyển sang năm sau.

* Tỷ lệ biểu quyết:

- + Tán thành: 25.292.132 cổ phần, chiếm 99,98 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
- + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
- + Không có ý kiến: 4.400 cổ phần, chiếm 0,02% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

6. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét/kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019

* Tỷ lệ biểu quyết:

- + Tán thành: 25.292.132 cổ phần, chiếm 99,98 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
- + Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
- + Không có ý kiến: 4.400 cổ phần, chiếm 0,02% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.



PHẦN XII. BẾ MẠC

Ông Cao Văn Long đại diện Ban Thư ký đã đọc toàn bộ nội dung Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. Chủ tọa xin biểu quyết thông qua Biên bản bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp.

Biên bản này được Thư ký Đại hội ghi lại đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung Đại hội và được đọc trước toàn thể Đại hội. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kết thúc 11 giờ 00 phút cùng ngày./.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Cao Văn Long

**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HĐQT**



Trần Thái Hòa

Số : 01 /NQ.ĐHĐCĐ-UDEC

Vũng Tàu, ngày 29 tháng 4 năm 2019.

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH1 ngày 29/6/2006; và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu ngày 29 tháng 4 năm 2019;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị được tiến hành từ 8 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút ngày 29 tháng 4 năm 2019 tại hội trường Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, số 37 đường 3 tháng 2, phường 8, thành phố Vũng Tàu.

Đại hội có 33 cổ đông và đại diện cổ đông được ủy quyền tham dự, đại diện cho 25.296.532 cổ phần, chiếm 72,89 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Đại hội đã tập trung nghe và thảo luận các nội dung chủ yếu của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, và thống nhất:

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019

Các chỉ tiêu chủ yếu của kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 như sau:

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2018:

stt	Chỉ tiêu kế hoạch	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ
1	Tổng giá trị sản xuất kinh doanh	Tỷ đồng	665,26	598,14	89,9%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	510,00	484,08	94,9%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	8,5	9,97	117,3%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	5,7	1,01	17,7%

b. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

stt	Chỉ tiêu kế hoạch	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019	Tỷ lệ so với thực hiện 2018
1	Tổng giá trị sản xuất kinh doanh	Tỷ đồng	601,84	100,6%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	501,70	103,6%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	8,81	88,4%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	4,65	101,3%
5	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	Tỷ đồng	1,25	123,8%

Tỷ lệ biểu quyết thông qua: 25.296.532 cổ phần, chiếm 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán

a. Các chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính riêng:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

stt	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng tài sản <i>Trong đó:</i>	1.054.608.604.939
1.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	3.343.232.097
1.2	Các khoản phải thu ngắn hạn	268.111.570.448
1.3	Hàng tồn kho	250.113.463.540
1.4	Tài sản ngắn hạn khác	25.240.623.783
1.5	Tài sản cố định	46.340.557.676
1.6	Bất động sản đầu tư	339.403.108.550
1.7	Tài sản dở dang dài hạn	19.325.705.995
1.8	Đầu tư tài chính dài hạn	99.797.100.004
1.9	Tài sản dài hạn khác	2.233.242.846
2	Nợ phải trả <i>Trong đó:</i>	677.524.372.978
2.1	Nợ ngắn hạn	486.583.181.523
2.2	Nợ dài hạn	190.941.191.455
3	Vốn chủ sở hữu <i>Trong đó:</i>	377.084.231.961
3.1	Vốn điều lệ	350.000.000.000
3.2	Thặng dư vốn cổ phần	2.035.484.756
3.3	Cổ phiếu quỹ	(1.686.409.906)
3.4	Quỹ đầu tư phát triển	11.044.402.674
3.5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	15.690.754.437
4	Tổng doanh thu <i>Trong đó:</i>	383.364.941.186
4.1	- Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	369.025.767.499
4.2	- Doanh thu hoạt động tài chính	3.249.507.798
4.3	- Thu nhập khác	11.089.665.889

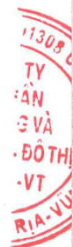


5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.563.403.529
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6.243.978.846
7	Lợi nhuận khác	6.567.945.452
8	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.811.924.298
9	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.738.452.234

b. Các chỉ tiêu chủ yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

stt	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng tài sản <i>Trong đó:</i>	1.156.703.529.452
1.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	3.654.046.438
1.2	Các khoản phải thu ngắn hạn	282.126.132.483
1.3	Hàng tồn kho	262.827.554.397
1.4	Tài sản ngắn hạn khác	25.654.161.256
1.5	Các khoản phải thu dài hạn	5.393.852.707
1.6	Tài sản cố định	467.196.769.140
1.7	Bất động sản đầu tư	72.460.843.086
1.8	Tài sản dở dang dài hạn	19.706.688.323
1.9	Đầu tư tài chính dài hạn	1.260.017.699
1.10	Tài sản dài hạn khác	15.723.463.923
2	Nợ phải trả <i>Trong đó:</i>	746.220.873.100
2.1	Nợ ngắn hạn	536.479.112.447
2.2	Nợ dài hạn	209.741.760.653
3	Vốn chủ sở hữu <i>Trong đó:</i>	410.482.656.352
3.1	Vốn điều lệ	350.000.000.000
3.2	Thặng dư vốn cổ phần	2.035.658.847
3.3	Cổ phiếu quỹ	(1.686.409.906)
3.4	Quỹ đầu tư phát triển	20.180.931.480
3.5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.932.126.141
3.6	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	38.020.349.790
4	Tổng doanh thu <i>Trong đó:</i>	484.075.249.546
4.1	- Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	470.658.761.982
4.2	- Doanh thu hoạt động tài chính	1.705.354.472
4.3	- Thu nhập khác	11.711.133.092
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	66.723.134.420
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.366.507.266



7	Lợi nhuận khác	6.611.384.599
8	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.977.891.865
9	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.592.743.862
10	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	3.585.225.804
11	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	1.007.518.058
12	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29

Tỷ lệ biểu quyết thông qua: 25.296.532 cổ phần, chiếm 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 3. Thông qua Báo cáo về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018

Tỷ lệ biểu quyết thông qua: 25.296.532 cổ phần, chiếm 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 4. Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018

Tỷ lệ biểu quyết thông qua: 25.294.132 cổ phần, chiếm 99,99 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2018

Phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức cụ thể như sau:

stt	Nội dung	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế đủ điều kiện phân phối năm 2018.	1.007.518.058
1.1	Trích Quỹ đầu tư phát triển	0
1.2	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động.	0
1.3	Lợi nhuận sau thuế chia cổ tức cho cổ đông.	1.007.518.058

Lợi nhuận sau thuế đủ điều kiện chia cổ tức năm 2018 đạt thấp, nên không chia cổ tức và chuyển sang năm sau.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua: 25.292.132 cổ phần, chiếm 99,98 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 6. Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét/kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019

Tỷ lệ biểu quyết thông qua: 25.292.132 cổ phần, chiếm 99,98 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 4 năm 2019.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung nêu trong Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết này trong phiên họp thường niên kế tiếp./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông Cty UDEC;
- Các TV HĐQT, BKS;
- Ban Điều hành;
- Lưu văn thư HĐQT.



Trần Thái Hòa